

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Xuân và bà Lê Thị Hồng;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 11/11/1970, tại tỉnh H; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lái xe; Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh H; Nơi ở: Phòng 2610, Chung cư CT12B K - K, phường Đ, quận H, thành phố H; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD: 0300700233334, cấp ngày: 15/01/2023; Con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà Đỗ Thị L (đã chết); vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; Con có hai con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23 tháng 3 năm 2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Ông Lê Văn L; sinh năm 1968; địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Ni, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Ông Mai Văn N, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện , tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bà Đinh Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyệnN, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Ông Đặng Chinh K, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Phòng 2610, Chung cư CT12B K - K, phường Đ, quận H, thành phố H. Vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

- Anh Đỗ Tiến T; sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Chị Phùng Thị Quỳnh A, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn C, xã Đ huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Năm 2013, Hoàng Văn H đến làm ăn, sinh sống tại thôn Ct, xã Đ, huyện Ni, tỉnh Kon Tum và làm nghề buôn bán thịt heo. H thường mua heo thịt của người dân mang về làm thịt thành phẩm bán lại để kiếm lời. Do quen biết nên khi mua heo của người dân thì H thường trả trước một ít tiền hoặc nợ toàn bộ tiền mua heo thịt của họ. Sau khi làm thịt heo bán lại cho khách hàng thì H mới trả tiền nợ cho họ. Thông thường, khoảng từ 10 đến 20 ngày kể từ khi H mua heo thì H sẽ trả lại số tiền nợ này. Quá trình kinh doanh, buôn bán thịt heo, H làm ăn thua lỗ và nợ tiền mua heo của một số người dân, không còn vốn để kinh doanh. Do đó, H thường mua nợ heo thịt của người sau, rồi dùng tiền bán thịt heo trả cho những người mà H còn nợ tiền mua heo thịt trước đó. Trong khoảng tháng 8 năm 2018, Hoàng Văn H đã thực hiện 03 lần mua nợ heo thịt của ông Lê Văn L, ông Mai Văn N với tổng số tiền 274.756.000đồng và vay nợ tiền của ông K 02 lần với tổng số tiền 120.000.000đồng cụ thể như sau:

Đối với việc vay nợ tiền:

Lần thứ nhất: Do làm ăn thua lỗ, cần tiền trả nợ nên ngày 05/08/2018, bị cáo H đến nhà ông Đặng Chính K (*sinh năm 1974, nơi thường trú: TDP2, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum*)- chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Trường K vay được của ông số tiền 10.000.000đồng. Khi vay số tiền này thì giữa H và ông K không làm hợp đồng vay tiền, không thỏa thuận lãi suất cho vay nhưng thỏa thuận khi trả hết tiền gốc thì H phải đưa cho ông K một khoản tiền tùy ý. Sau đó, H dùng số tiền này trả nợ hết cho người dân (*H không còn nhớ người nào*).

Lần thứ hai: Do làm ăn thua lỗ, để có tiền trả nợ cho ông Lê Văn L và người dân khác, ngày 15/08/2018, H tiếp tục đến nhà ông Đặng Chính K để vay thêm số tiền 110.000.000đồng. Hiền hứa hẹn đến ngày 15/09/2018 sẽ trả đủ cho ông K số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) (*gồm cả số tiền 10.000.000đồng mà H đã vay của anh K trước đó*), sau khi trả hết tiền gốc thì H sẽ đưa cho ông K một khoản tiền tùy ý thì ông K đồng ý. Sau đó, ông K cho H vay số tiền này và yêu cầu H ký xác nhận vào hợp đồng cầm đồ thể hiện việc H vay số tiền này.

Sau khi vay thêm được số tiền trên, H dùng số tiền đó trả cho một số người mà H nợ trước đó (*không nhớ cụ thể người nào*) với tổng số tiền 60.000.000đồng và trả cho ông L số tiền 50.000.000đồng khoản nợ tiền heo trước đó (tháng 7/2018).

Đối với việc mua nợ heo thịt:

Lần thứ nhất: Ngày 13/08/2018, bị cáo H đến nhà ông Lê Văn L để mua heo thịt. Do ông L đi vắng, H chỉ gặp được vợ của ông L là bà Nguyễn Thị L. Lúc này, H liền gọi điện thoại cho ông L và thỏa thuận mua nợ được 21 (hai mươi một) con heo thịt với giá 54.000đồng/kg. Sau khi thỏa thuận xong, bà L trực tiếp cân và bán nợ cho H 21 con heo thịt với số tiền 117.180.000đồng. Sau đó, H ký xác nhận vào một quyển vở của bà L ghi nội dung ngày mua bán heo, trọng lượng heo, tổng số tiền mà H phải trả nói trên và thuê người (*không rõ lai lịch*) chở số heo này về làm thịt bán hết cho người dân.

Lần thứ hai: Ngày 20/08/2018, H thuê anh Đỗ Tiến T và một nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) là người làm nghề bắt, chở heo thuê đến nhà ông Mai Văn N để mua heo thịt của ông N. Tại đây, H mua nợ 10 con heo của ông N với số tiền là 52.600.000đồng. H và ông N thỏa thuận đến ngày 30/8/2018 thì H phải trả số tiền này cho ông N. Sau đó, H ký xác nhận vào một quyển vở của ông N ghi nội dung ngày mua bán heo, trọng lượng heo, tổng số tiền H phải trả nói trên và đưa số heo này về làm thịt bán hết cho người dân.

Lần thứ ba: Ngày 27/8/2018, bị can tiếp tục thoả thuận mua nợ thêm 21 con heo của ông L với số tiền 104.976.000đồng và hẹn một tuần sau sẽ trả lại số tiền mua heo của cả hai lần (lần thứ nhất là 117.180.000đồng, lần thứ hai là 104.976.000đồng) cho ông L thì ông L đồng ý. H ký xác nhận vào một quyển vở của ông L ghi nội dung ngày mua bán heo, trọng lượng heo, tổng số tiền H phải trả nói trên và thuê người (*không rõ lai lịch*) chở số heo này về làm thịt bán hết cho người dân.

Số lần mua nợ heo của ông L và ông N thì H đều làm thịt bán lại cho người dân nhưng bị lỗ vốn. Số tiền bán ra H đã trả lại cho những người dân (*H không còn nhớ người nào*) mà H mua nợ heo trước đó và chi tiêu cá nhân hết nên chưa trả lại được cho ông K, ông N, ông L. Sau đó, ông N và ông L nhiều lần gọi điện thoại hoặc gặp trực tiếp H để yêu cầu H trả số nợ trên nhưng H không có tiền để trả và liên tục xin lùi ngày trả nợ. Đến ngày 05/9/2018, H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền mà H còn nợ của ông N, ông K, ông L nói trên nên H đã bỏ trốn đến sinh sống tại thành phố H, thay đổi thuê bao di động để cắt đứt liên lạc với những người này nhằm không trả lại tiền nợ trên và chiếm đoạt số tiền này. Sau khi bỏ trốn, H không liên lạc cũng như không gặp lại những người này để trả tiền nợ.

Ngày 30/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Hồi đã ra thông báo truy tìm H. Đến ngày 21/03/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Hồi xác minh, tìm thấy làm việc với Hoàng Văn H, qua làm việc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 21/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hồi đã ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, sau đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hoàng Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-NH ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo: Hoàng Văn H về về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Văn H phải trả cho ông Lê Văn L số tiền 202.156.000đồng; Trả cho ông Mai Văn N số tiền 22.600.000đồng; Trả cho ông Đặng Chinh K số tiền 100.000.000đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của bị cáo Hoàng Văn H: Bị cáo thấy hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi truy tố bị cáo là đúng tội, đúng người. Về mức hình phạt bị cáo thấy đề nghị Viện kiểm sát là cao, đề nghị Viện kiểm sát xem xét lại, đại diện VKS đối đáp qua xem xét tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt từ 05 năm đến 06 năm là phù hợp. Bị cáo không có tranh luận gì thêm. Lời nói sau cùng của bị cáo: Đầu tiên bị cáo xin lỗi người bị hại vì hành vi mình gây ra, bị cáo sẽ cố gắng khắc phục hậu quả cho bị hại sau khi chấp hành xong hình phạt vì hiện nay bị cáo hiện gia đình khó khăn, thấy việc mình làm là sai, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại: ông Lê Văn L yêu cầu bị cáo H phải trả số tiền 202.156.000đồng; ông Mai Văn N yêu cầu Hiền trả số tiền 22.600.000đồng; ông Đặng Chinh K yêu cầu H trả số tiền 100.000.000đồng. Người bị hại ông Mai Văn N xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hồi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi cấu thành tội phạm:* Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn H đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hồi thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã được thể hiện tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Ngọc Hồi được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, do đó có đủ căn cứ kết luận:

Vào năm 2018, Hoàng Văn H đã mua nợ heo thịt của vợ chồng ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị L và vợ chồng ông Mai Văn N, bà Đinh Thị C về mổ thịt và có vay mượn tiền của ông Đặng Chinh K về để sử dụng vào việc làm ăn và chi tiêu trong gia đình. Quá trình làm ăn bị thua lỗ dẫn đến không có khả năng trả nợ nên Hoàng Văn H đã bỏ trốn khỏi địa phương cắt đứt mọi liên lạc với người bị hại nhằm chiếm đoạt tiền của những người trên. Tổng số tiền mà bị cáo H chiếm đoạt của các bị hại trên là 394.756.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn). Do đó, hành vi của bị cáo Hoàng Văn H đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự, như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử bị cáo trong vụ án theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

[4.1] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong vụ án này bị cáo phạm tội nhiều lần, mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đồng thời trong số các lần phạm tội trên chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo Hoàng Văn H phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thấy lỗi lầm về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo tác động con trai là Hoàng Văn C trả lại, khắc phục một phần tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại, cụ thể: Đã trả cho ông Mai Văn N số tiền 30 triệu đồng, cho ông Đặng Chinh K số tiền 20 triệu đồng; ông Lê Văn L số tiền 20 triệu đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Ngoài ra, trong vụ án anh Hoàng Văn C có cung cấp đơn xin xác nhận ông nội là Hoàng Văn H là bố bị cáo Hoàng Văn H có tham gia hoạt động cách mạng trong thời kỳ chống Pháp, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã và kèm theo 01 Giấy chứng nhận kỷ niệm chương của Ban liên lạc truyền thống du kích đường 5, tỉnh H. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ, HĐXX thấy Ủy ban nhân dân cấp xã không có thẩm quyền xác nhận người có công với cách mạng theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định về thẩm quyền ra quyết định công nhận người hoạt động cách mạng, Giấy chứng nhận kỷ niệm chương chỉ là do Ban liên lạc truyền thống xác nhận, không phải của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tặng thưởng. Do đó, các tài liệu chứng minh về người có công với cách mạng chưa đủ căn cứ, nên không áp dụng tình tiết người thân thích có công với cách mạng đối với bị cáo H.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác mà được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức được việc lợi dụng lòng tin, nhận tài sản một cách hợp pháp thông qua việc mua bán, hợp đồng vay tài sản, sau đó đã bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại, biết việc chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình gây ra.

[6] Áp dụng hình phạt: Sau khi xem xét, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Hoàng Văn H, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Hoàng Văn H nghề nghiệp lái xe, thu nhập thấp, gia đình còn nhiều khó khăn, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo H phải trả số tiền đã chiếm đoạt 202.156.000 đồng; ông Mai Văn N, bà Đinh Thị C yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt 22.600.000 đồng; ông Đặng Chinh K yêu cầu H trả số tiền đã chiếm đoạt 100.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Hoàng Văn H phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23/3/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại:

- Bị cáo Hoàng Văn H, phải trả lại số tiền 202.156.000đ (hai trăm linh hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) cho ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị L.

- Bị cáo Hoàng Văn H, phải trả lại số tiền 22.600.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) cho ông Mai Văn N, bà Đinh Thị C.

- Bị cáo Hoàng Văn H, phải trả lại số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho ông Đặng Chính K.

Áp dụng Điều 357 BLDS, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điểm a, c, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và kèm theo danh mục mức án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 16.238.000đ (Mười sáu triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

[4]. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20-9-2024 bị cáo,

người bị hại có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QLNVLQ;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành